

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

929-931 Quốc Lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

www.imeco.com.vn



CTCP CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP
MECHANICAL & INDUSTRIAL CONSTRUCTION J.S.C

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



IMECO

LUÔN VÌ LỢI ÍCH KHÁCH HÀNG CÙNG PHÁT TRIỂN

IMECO ALWAYS SEEKS TO DEVELOPMENT FOR THE SAKE OF CUSTOMER



I. THÔNG TIN CHUNG	1-14
Thông tin khái quát Quá trình hình thành và phát triển Ngành nghề và địa bàn kinh doanh Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức Định hướng phát triển Rủi ro	
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	15-24
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Tổ chức và nhân sự Tình hình hoạt động đầu tư Tình hình tài chính Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu	
III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	25-32
Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh Tình hình tài chính Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý Kế hoạch phát triển trong tương lai Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán	
IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33-36
Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	37-48
Hội đồng quản trị Ban kiểm soát Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015	49-82

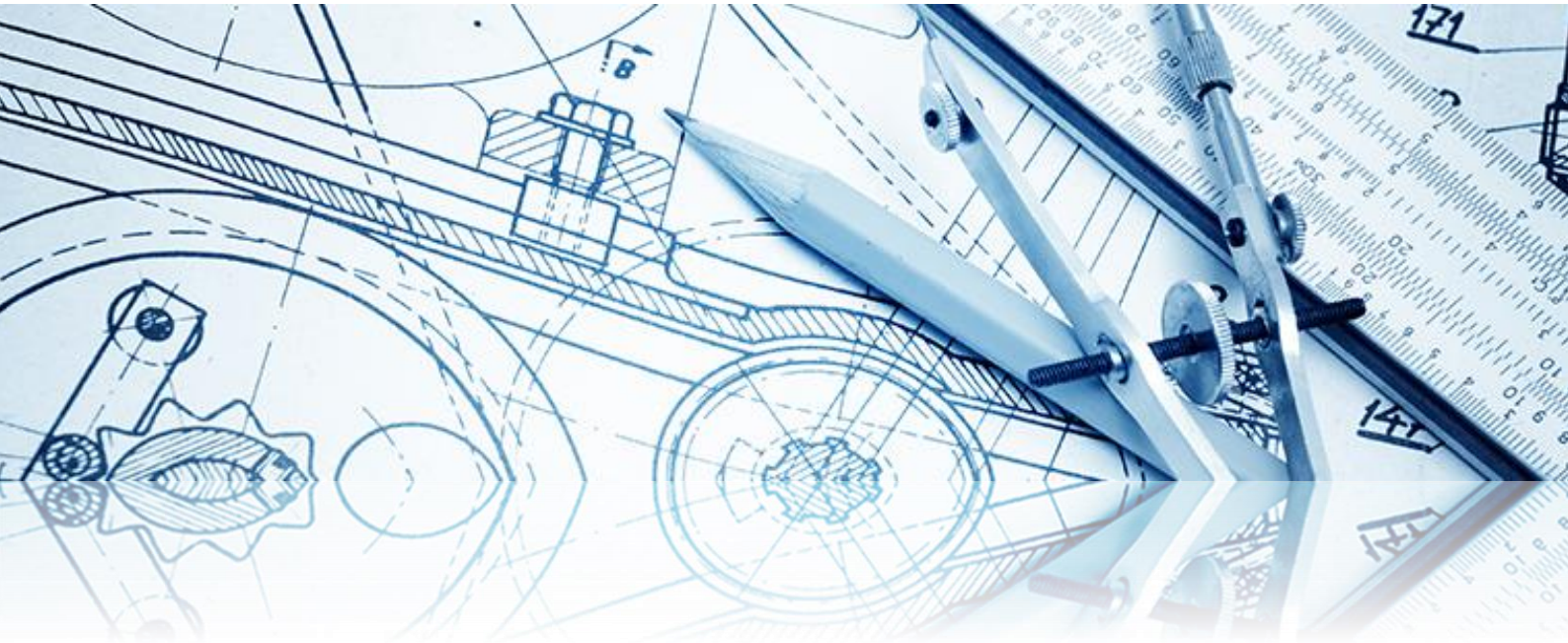
THÔNG TIN CHUNG



- ✓ Thông tin khái quát
- ✓ Quá trình hình thành và phát triển
- ✓ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ✓ Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- ✓ Định hướng phát triển
- ✓ Rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP**
- Tên giao dịch : **MECHANICAL AND INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **IMECO JSC**
- Giấy CNĐKDN : **Số 0300628797** do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 13/04/2012
- Vốn điều lệ : **35.999.480.000 VNĐ**
- Địa chỉ : 929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại : (84-8) 37 17 3554; (84-8) 37 17 3237; (84-8) 37 17 3238
- Số fax : (84-8) 37 17 3454; (84-8) 37 17 3452
- Website : www.imecovn.com.vn
- Email : imeco@hcm.vnn.vn
- Mã cổ phiếu : **IME**





THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Trong quá trình phát triển từ khi cổ phần hoá đến nay với những thành tích đạt được, IMECO đã vinh dự nhận được các phần thưởng:

- ✓ Huân chương lao động hạng II do nhà nước trao tặng năm 2009;
- ✓ Bằng khen của Bộ Công Thương trao tặng các năm 2006, 2008, 2009;
- ✓ Bằng khen của UBND thành phố HCM năm 2007;
- ✓ Cờ thi đua của Chính phủ trao tặng năm 2008;
- ✓ Đảng bộ Công ty được Đảng ủy khối công nhận Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh 5 năm liên từ năm 2006 – 2010;
- ✓ Bằng khen của Công đoàn TP.HCM năm 2006, 2009;
- ✓ Bằng khen của Công đoàn Bộ Công Thương năm 2008;
- ✓ Cờ thi đua của Công đoàn Bộ Công Thương năm 2007, 2010;
- ✓ IMECO được cấp “Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng toàn diện QC 100 TQM” của tổ chức BID tại Geneva Thụy Sĩ năm 2009;
- ✓ Cúp thương hiệu mạnh do Bộ Công Thương trao tặng năm 2010;
- ✓ Bằng khen của Bộ Công thương năm 2010;
- ✓ Cờ thi đua của Bộ Công thương trao tặng năm 2011;
- ✓ Bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2012;
- ✓ Bằng khen của Bộ Công thương năm 2012;
- ✓ Bằng khen của Bộ Công thương năm 2013;
- ✓ Huân chương Lao động hạng nhất năm 2014;
- ✓ Bằng khen của UBND TP.HCM năm 2014;
- ✓ Danh hiệu “Điển hình tiên tiến 5 năm” do Bộ trưởng Bộ Công Thương trao tặng 04/05/2015.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) là một trong những công ty tiêu biểu trong ngành cơ khí của Việt Nam. IMECO khởi nghiệp từ Xí Nghiệp Cơ Điện Tân Bình chuyên chế tạo, sửa chữa máy móc thiết bị, gia công cơ khí phục vụ cho Ngành Bột ngọt Mì ăn liền vào ngày 20/08/1979. Sau hơn 37 năm hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã có một

bước chuyển mình quan trọng khi chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ Nhà nước sang Công ty cổ phần vào tháng 07/2005. Đến nay, trải qua chặng đường hơn 10 năm sau chuyển đổi, IMECO đã và đang khẳng định vị thế, uy tín của mình trong ngành cơ khí nói chung cũng như trong niềm tin từ phía đối tác, cổ đông của mình nói riêng. Những cột mốc quan trọng ghi dấu chặng đường nỗ lực vươn tầm phát triển của IMECO như sau:

1979

CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp được thành lập vào ngày 20/08/1979, là tiền thân của Xí Nghiệp Cơ điện Tân Bình - thành viên Liên hiệp Bột ngọt Mì ăn liền, trực thuộc Bộ Nông Nghiệp và Công Nghiệp Thực phẩm.

1987 – 1993

Xí Nghiệp Cơ Điện Tân Bình được bộ chủ quản là Bộ Công Nghiệp nhẹ đổi tên thành Nhà máy Cơ Khí - Thực Phẩm theo Quyết định số 524/CNN – TCLĐ ngày 02/07/1992 của Bộ Công nghiệp nhẹ.
Ngày 07/05/1993, Nhà máy Cơ khí Thực phẩm được thành lập theo Quyết định số 448/CNN – TCLĐ của Bộ Công nghiệp nhẹ.

1996

Theo Quyết định số 1409/QĐ – TCCB của Bộ Công Nghiệp, Nhà máy Cơ khí thực phẩm được đổi thành Công ty Cơ khí thực phẩm.



Ngày 12/08/1999, theo Quyết định số 52/1999/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp Công ty Cơ khí Thực phẩm đổi thành Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp trực thuộc Tổng Công ty máy và Thiết bị Công nghiệp.

Ngày 05/05/2004, theo Quyết định số 32/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp là thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

Tháng 7/2005 theo Quyết định số 2385/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp, Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp theo Giấy CNĐKKD: 0300628797 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp ngày 16/01/2006 và thay đổi lần 4 ngày 13/04/2012.

1999

2004

2005

2015

2009

Chính thức đưa cổ phiếu công ty giao dịch tập trung tại sàn UPCOM và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01/12/2009. Mã cổ phiếu: IME. Tổng giá trị đăng ký giao dịch lần đầu là 30 tỷ đồng.

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty đã đưa toàn bộ 3.599.948 cổ phần phổ thông vào giao dịch tập trung tại UPCOM.

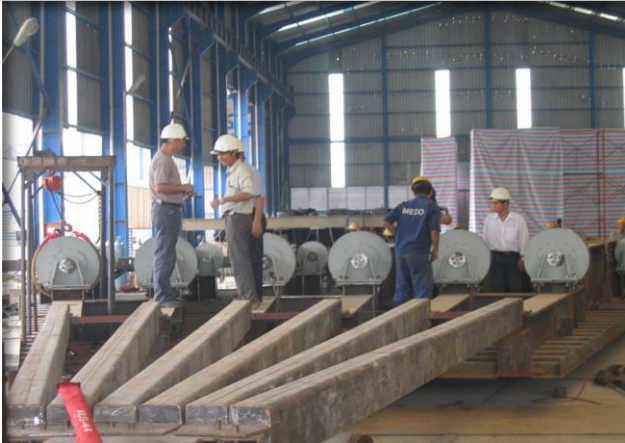


NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hiện nay CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) đang hoạt động trong các lĩnh vực sau:



- ✓ Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ;
- ✓ Lắp đặt máy móc, thiết bị điện, nước và hoàn thiện công trình;
- ✓ Lắp đặt các thiết bị hạ thế và trung thế đến 22KV;
- ✓ Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, sản xuất tấm lợp – xà gỗ thép và khung nhà tiền chế (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện);
- ✓ Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- ✓ Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi;
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp bao gồm: công trình giao thông, công trình cấp thoát nước;
- ✓ Xử lý nước thải;
- ✓ Kinh doanh bất động sản.

CHẾ TẠO CƠ KHÍ LÀ HOẠT ĐỘNG CHỦ LỰC CỦA CÔNG TY

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

IMECO có địa bàn hoạt động kinh doanh trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam nhưng hoạt động mạnh mẽ trên địa bàn các tỉnh phía Nam, và là đối tác của rất nhiều những doanh nghiệp thuộc khu vực Châu Á, Châu Âu. Trong những năm qua, doanh thu từ xuất khẩu chiếm gần 70% doanh thu của Công ty.

Với mục tiêu phát triển toàn diện, IMECO đang nỗ lực để giới thiệu và cung cấp những sản phẩm của mình đến với khách hàng không chỉ ở miền Nam mà cả những tỉnh thành khác trong phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam và đẩy mạnh xuất khẩu ra các khu vực khác trên Thế giới.





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

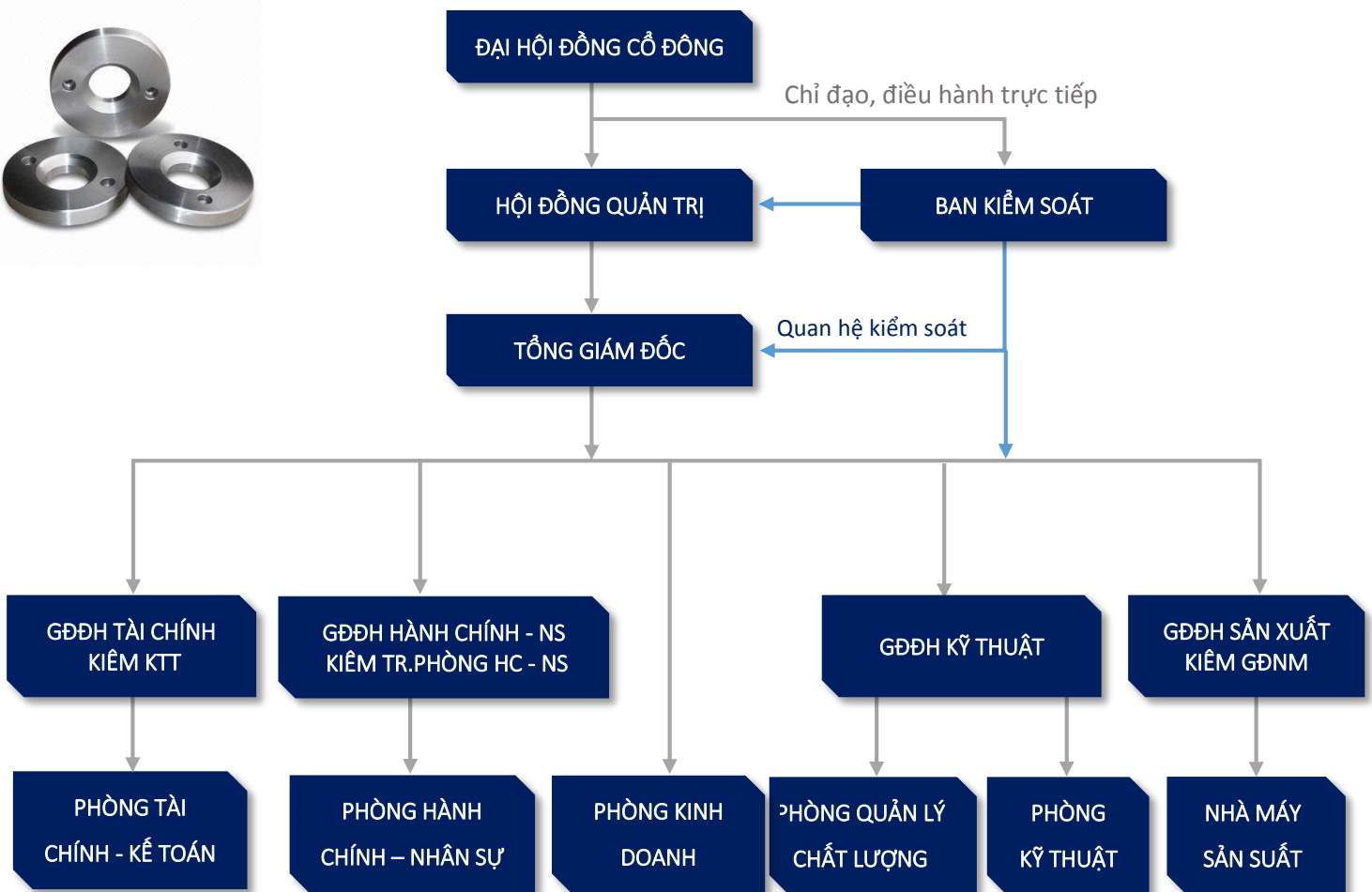


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

IMECO được điều hành và quản lý theo mô hình quản trị bao gồm:

- Đại Hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị (Chủ tịch và các thành viên HĐQT);
- Ban Kiểm soát (Trưởng ban và các thành viên BKS);
- Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và Giám đốc nhà máy.
- Phòng chuyên môn nghiệp vụ: phòng Hành chính – Nhân sự, phòng Tài chính – Kế toán, phòng Kinh doanh, phòng Kỹ thuật, phòng Quản lý chất lượng.
- Đơn vị hạch toán phụ thuộc: Nhà máy Chế tạo Thiết bị đồng bộ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



✓ Về thị trường

Trong quá trình kinh tế hội nhập hiện nay, việc khẳng định thương hiệu là cần thiết với mỗi doanh nghiệp; chính vì vậy IMECO đang đẩy mạnh việc xây dựng và khẳng định thương hiệu những sản phẩm của mình. Song song đó, IMECO tiếp tục củng cố và hoàn thiện những chiến lược kinh doanh nhằm giữ vững và phát triển thị trường xuất khẩu các mặt hàng kết cấu thép, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc đi các nước Châu Âu, Châu Á... đảm bảo tỷ trọng hàng xuất khẩu tối thiểu đạt mức 80% tổng doanh thu.

✓ Về sản xuất

IMECO tiếp tục đầu tư và tập trung huy động mọi nguồn lực để xây dựng một hệ thống sản xuất hàng cơ khí hoàn thiện, nâng cao hiệu quả sản xuất, đặc biệt chú trọng về chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn như hiện nay, IMECO quyết tâm thực hiện triệt để tiết kiệm và sản xuất an toàn để đảm bảo mục tiêu sản lượng sản xuất sẽ tăng trưởng và ổn định ở mức từ 4.000 tấn/năm cho đến 5.000 tấn/năm.

✓ Về doanh thu và lợi nhuận

IMECO phấn đấu duy trì mức tăng trưởng ổn định từ 5% - 10%/ năm và sẽ duy trì mức tăng trưởng này ổn định trong những năm sau nhằm đảm bảo việc kinh doanh hiệu quả; bảo toàn và phát triển vốn; đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông cũng như những quyền lợi, điều kiện làm việc tốt cho người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng xã hội.

Thực hiện chiến lược phát triển cơ khí của Bộ Công thương đề ra, IMECO đã đầu tư vào chiều sâu và mở rộng năng lực sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm. Mặt hàng cơ khí luôn chiếm tỷ trọng trên 90%, là mặt hàng chủ lực của công ty, không những đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn mở rộng xuất khẩu ra các nước trong khu vực.

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trong những năm qua, kinh tế Thế giới biến động khá phức tạp, có nhiều cơ hội nhưng cũng không ít khó khăn. Sau khi gia nhập tổ chức thương mại Thế giới WTO nền cơ khí Việt Nam nói chung và IMECO nói riêng có nhiều cơ hội để xuất khẩu sản phẩm ra thế giới. Năm bắt được cơ hội này, IMECO đã chủ động nghiên cứu các yêu cầu của sản phẩm theo các tiêu chuẩn tiên tiến của Thế giới, để hướng đầu tư nguồn lực và đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực, quản lý chất lượng, quản lý sản xuất theo yêu cầu của khách hàng.

Qua từng năm, đội ngũ cán bộ và năng lực quản lý của IMECO đã lớn mạnh không ngừng, chính vì vậy từ chỗ ban đầu công ty chỉ là đối tác của một khách hàng chính là Promecon - Đan Mạch, nhưng cho đến nay IMECO đã là đối tác tin cậy của rất nhiều khách hàng nhập khẩu sản phẩm cơ khí, góp phần vào sự tăng trưởng của công ty, tạo ra công ăn việc làm cho trên 400 lao động, mặc dù đã và đang trải qua những thời kỳ vô cùng khó khăn do khủng hoảng kinh tế, tài chính trên toàn Thế giới. IMECO đã chọn một hướng đi đúng đắn, đầu tư kịp thời, đào tạo nguồn nhân lực phù hợp, tạo ra được sự khác biệt so với các doanh nghiệp cơ khí khác, nên đã không những đứng vững mà còn tạo ra được những thành tích rất đáng khích lệ trong thời gian qua.

Vì vậy, định hướng chiến lược thời gian tới vẫn phải kế thừa và phát huy những năng lực hiện có và đồng thời phải hướng đầu tư để phát triển những cơ hội tiềm năng.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

✓ Thị trường tiêu thụ

Trong những năm qua, ngoài những khách hàng thường xuyên ở trong nước hoặc tổng thầu nước ngoài, đặt hàng theo nhu cầu đầu tư, sửa chữa hàng năm như: Ajinomoto, Nupak, Tổng công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam, SAIGON SHIPYARD CO., LTD, Công ty CP Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO, IMECO đã trở thành đối tác tin cậy của nhiều tập đoàn, công ty lớn trên Thế giới, thường xuyên đặt hàng sản phẩm cơ khí xuất khẩu. Các sản phẩm xuất khẩu đã có tính công nghệ và lặp đi lặp lại thường xuyên. Chính vì vậy, IMECO đã trở thành một khâu quan trọng trong chuỗi giá trị của dây chuyền thiết bị và công nghệ. Nhu cầu hàng năm của những khách hàng trên là rất lớn, nhưng hiện nay IMECO mới chỉ đáp ứng được một phần nhỏ, vì hạn chế nguồn lực, cơ sở vật chất và thiếu nguồn cung cấp thép tại chỗ.

✓ Đầu tư

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng cũng như đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và tạo ra sự đột phá, IMECO cần phải đầu tư nâng cấp về chiều rộng và chiều sâu để tập trung vào các mục tiêu chính sau đây:

- Tăng cường máy móc thiết bị hiện đại nhằm hoàn thiện dây chuyền sản xuất
- Chế tạo trọn gói hệ thống cung cấp và xả khí trọn gói cho các nhà máy nhiệt điện công suất đến 1.500 MW;
- Chế tạo trọn gói chân tháp phong điện và các thiết bị phụ trợ;
- Chế tạo trọn gói cấu kiện công trình có trọng lượng đến 2.000 T/cấu kiện;
- Chế tạo trọn gói nhà máy bột giấy công suất 500.000 T/năm.



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

✓ Các mục tiêu với môi trường

Luôn đảm bảo thực hiện chế độ lấy mẫu đánh giá tác động môi trường thường xuyên dưới sự giám sát của cơ quan chức năng để sớm có những biện pháp khắc phục kịp thời khi có bất kỳ chỉ tiêu nào vượt mức. Thực hiện xử lý chất thải công nghiệp theo quy định. Tiết kiệm nguồn năng lượng trong sản xuất.

✓ Các mục tiêu với xã hội

Thực hiện đúng những quy định về việc đảm bảo chế độ chính sách đối với Cán bộ công nhân viên theo quy định tại Luật lao động. Đảm bảo cho người lao động có một môi trường làm việc thân thiện, an toàn. Nâng cao mức sống cho người lao động thông qua những chế độ phúc lợi và trợ cấp kèm theo hàng năm.



RỦI RO

Rủi ro pháp luật

Để đáp ứng lộ trình hội nhập kinh tế toàn cầu, trong 02 năm vừa qua, các văn bản pháp luật có tính nền tảng cho hoạt động của các thành phần kinh tế đã có sự thay đổi lớn như Luật doanh nghiệp 2014, Luật đầu tư 2014, Luật chứng khoán, Luật lao động. Những thay đổi của hành lang pháp lý vừa mang lại lợi ích vừa là thách thức trước những thay đổi hiện nay. Tác động từ rủi ro pháp luật đa phần là rủi ro hệ thống, do đó, để quản trị được rủi ro này, các bộ phận trong Công ty có trách nhiệm nghiên cứu kỹ quy định pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến chức năng hoạt động của chính bộ phận mình để báo cáo cho Trưởng bộ phận, tham mưu cho cấp lãnh đạo định ra phương án thực hiện cụ thể.

Rủi ro tỷ giá

Khi mảng xuất khẩu chiếm tỷ trọng đến gần 70% doanh thu trong những năm qua thì sự biến động của tỷ giá ngoại tệ có thể tác động đến kết quả lợi nhuận của Công ty. Thanh toán ngoại tệ thường diễn ra trong các hoạt động nguyên vật liệu, mua sắm máy móc, dây chuyền sản xuất,

Những hoạt động liên quan đến việc thanh toán ngoại tệ của IMECO thường đem lại lượng doanh thu chiếm tỷ trọng lớn, cụ thể trong năm 2015 doanh thu mảng xuất khẩu chiếm tỷ trọng đến gần 70%. Chính vì thế khi tỷ giá thay đổi sẽ gây ra nhiều tác động đến Công ty. Biện pháp quản trị rủi ro này của Công ty là theo dõi sát biến động của các nhân tố chính có tác động lên tỷ giá; Áp dụng các biện pháp bảo hiểm tỷ giá phù hợp bằng cách mua bán ngoại tệ kỳ hạn, quyền chọn...

Rủi ro nhân sự

Công ty đặc biệt quan tâm, theo sát sự biến động nhân sự trong quá trình hoạt động bởi vấn đề này có ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện những hợp đồng hiện tại và cả những hợp đồng tiềm năng. Bên cạnh đó, trình độ và tay nghề của đội ngũ kỹ sư, công nhân viên cũng sẽ là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình đàm phán hợp đồng vì những đơn hàng khác nhau sẽ đòi hỏi trình độ nhân sự khác nhau.

Đối mặt với rủi ro này, Công ty có kế hoạch cụ thể về vấn đề số lượng và trình độ tay nghề lao động. Thông thường, bên cạnh năng lực về máy móc, tài chính, các tiêu chuẩn về nhân sự cần được đảm bảo trước khi ký hợp đồng và tiến hành sản xuất do đó Công ty phải liên tục cập nhật và đón đầu xu hướng trong việc đào tạo cho CBCNV theo một số tiêu chuẩn Quốc tế và/hoặc tiêu chuẩn do những đối tác đưa ra một cách có chọn lọc.

Ngoài ra, chính sách nhân sự của Công ty không chỉ đảm bảo những yêu cầu cơ bản của Pháp luật mà còn hướng đến môi trường làm việc năng động, đãi ngộ ngày một tốt hơn, đem lại những giá trị thiết thực cho CBCNV.





Rủi ro lãi suất

Để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp có thể phải sử dụng vốn vay. Khi đó, chi phí sử dụng vốn sẽ trở thành bộ phận cấu thành nên chi phí sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp. Hiện nay Công ty sử dụng vốn vay tương đối hạn chế do nhu cầu chưa cần thiết. Tính đến cuối năm 2015, các khoản vay nợ tài chính đều bằng 0. Trong trường hợp sử dụng nợ vay, Công ty đã chuẩn bị các phương án để hạn chế rủi ro thấp nhất.

Để giảm thiểu rủi ro do vấn đề này mang lại, Công ty đã đưa ra các biện pháp như: đánh giá mức độ rủi ro đối với từng hợp đồng để đưa ra cơ cấu vốn hợp lý; duy trì tỷ trọng nợ thấp trong tổng nguồn vốn; đảm bảo công nợ được theo dõi sát sao theo lịch trả nợ và đánh giá khả năng trả nợ theo từng thời điểm để có phương án xử lý thích hợp; đưa vào hợp đồng tiến độ thanh toán phù hợp, tránh rủi ro khách hàng mất khả năng thanh toán.

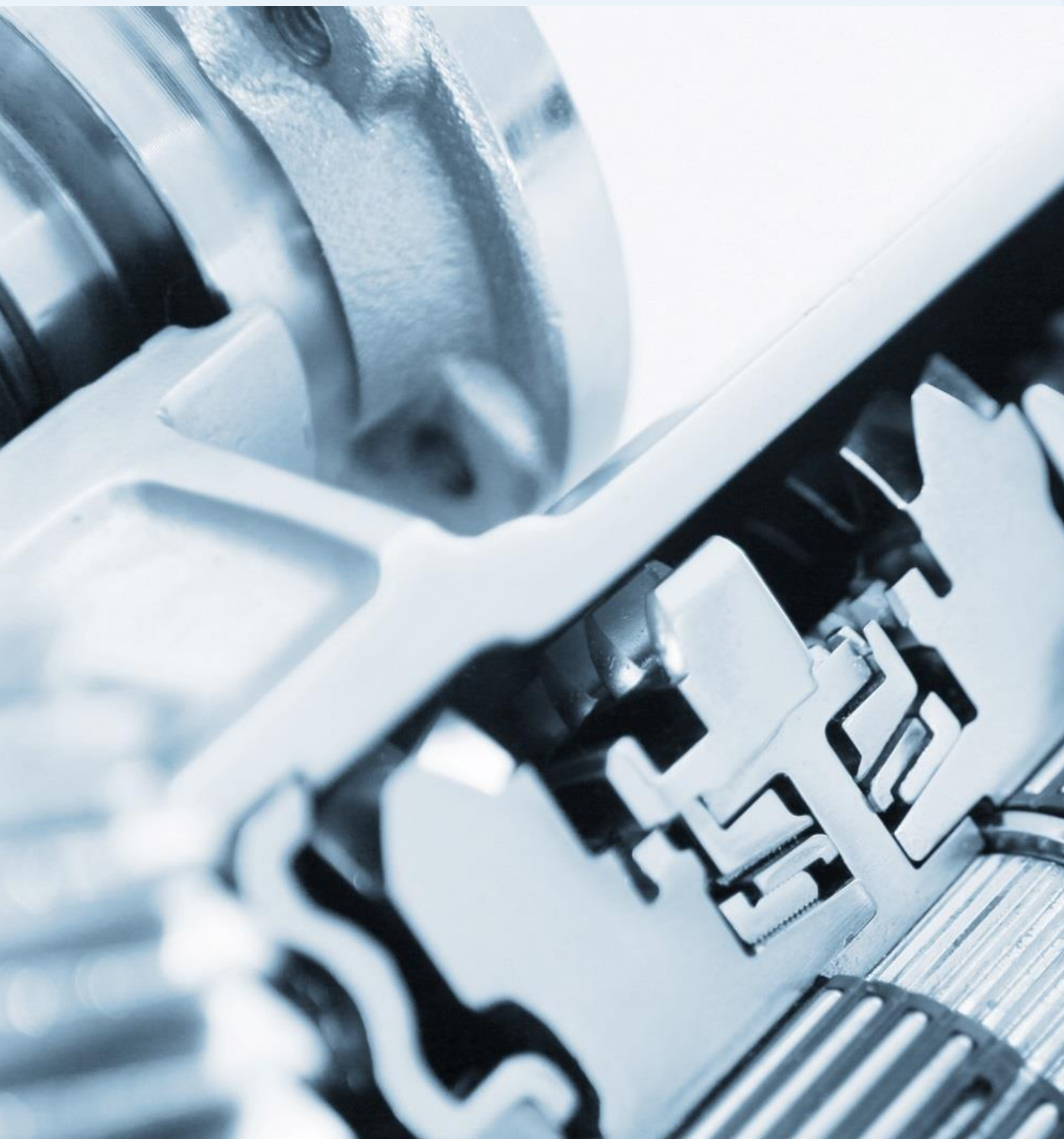
Rủi ro môi trường

Ngành sản xuất công nghiệp luôn tiềm ẩn những yếu tố gây tác động đến môi trường xung quanh như nước thải, rác thải công nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường chung của Việt Nam. Ngoài ra, đối với từng đơn hàng, Công ty còn đáp ứng những cam kết, thỏa thuận với các đối tác về môi trường.

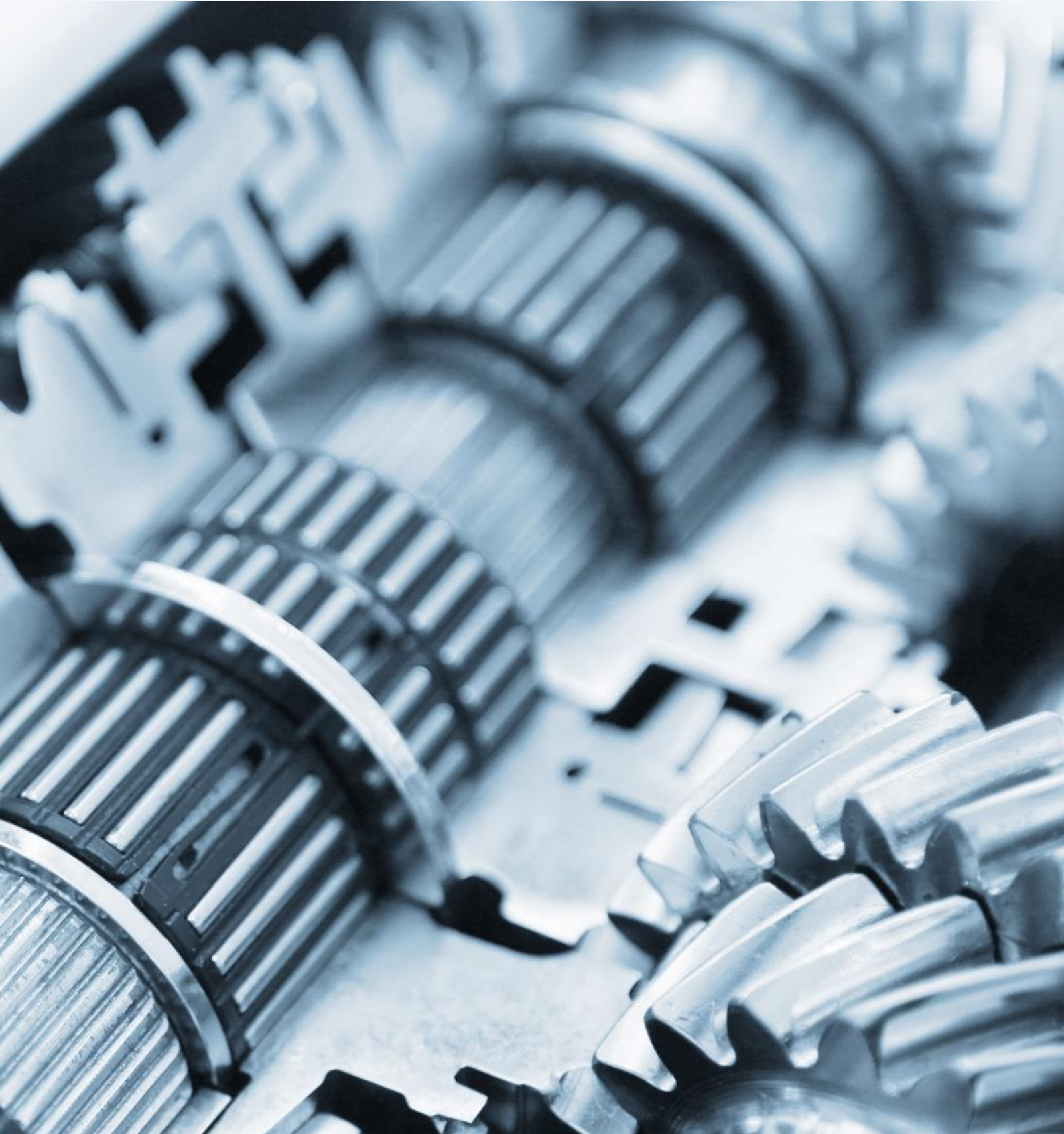
Tuân thủ các chính sách, quy định về môi trường, lựa chọn công nghệ tiên tiến đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu tác động đến môi trường là tiêu chí mà Công ty hướng đến để giảm thiểu tác động của mình đến môi trường.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- ✓ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✓ Tổ chức và nhân sự
- ✓ Tình hình hoạt động đầu tư
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu

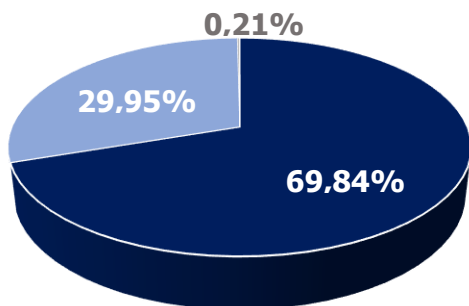




HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2015

Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	So sánh %	
					TH/KH 2015	TH 2015/2014
Tổng doanh thu	Triệu đồng	150.425	168.250	168.774	100,32	112,20
- Doanh thu xuất khẩu	Triệu đồng	126.754	138.003	117.875	85,41	93,00
- Doanh thu nội địa	Triệu đồng	23.412	29.997	50.550	168,52	215,91
- Doanh thu HĐTC	Triệu đồng	259	250	349	139,60	134,75
Giá trị xuất khẩu	1000USD	5.960	6.494	5.334	82,14	89,50
Giá trị nhập khẩu	1000USD	93	200	72	36,00	77,42
Số phải nộp NSNN	Triệu đồng	5.417	5.420	7.770	143,36	143,44
Tổng quỹ lương thực trả	Triệu đồng	39.778	44.000	46.889	106,57	117,88
Lao động bình quân	Người	406	420	420	100,00	103,45
Thu nhập BQ (người/tháng)	1.000đ	8.165	8.730	9.300	106,53	113,90
Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	2.456	9.148	7.071	77,30	287,91
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13.536	13.600	13.849	101,83	102,32
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.331	10.608	10.857	102,35	105,10
Cổ tức	%	17	17	37	217,65	217,65

Cơ cấu doanh thu



■ Xuất khẩu ■ Nội địa ■ Hoạt động TC

Năm 2015, kinh tế Việt Nam đã có được những bước tiến quan trọng, quá trình hội nhập được Chính phủ chú trọng và thúc đẩy mạnh mẽ. Hòa chung xu hướng ấy, sau một năm tích cực hoạt động IMECO cũng đã gặt hái được những kết quả nhất định, lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch 2,31% và tăng 5,05% so với cùng kỳ năm 2014.

Cơ cấu doanh thu không có nhiều thay đổi, năm 2015 doanh thu xuất khẩu vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với gần 70%, tuy nhiên năm 2015 đã ghi dấu tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường nội địa khi doanh thu đã tăng trưởng từ 23,4 tỷ đồng lên 50,5 tỷ đồng, tương đương với 115,91%. Với sự gia tăng này, tỷ trọng của xuất khẩu trong Tổng Doanh thu của Công ty đã giảm nhẹ. Năm 2015 doanh thu xuất khẩu đạt 117,87 tỷ đồng, giảm 14,59% so với năm trước.

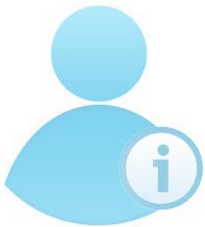


TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Thành viên	Chức Vụ
Ông Nguyễn Thành Trung	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Long Châu	Giám đốc điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng
Ông Đặng Anh Tuấn	Giám đốc điều hành Sản xuất
Bà Nguyễn Thị Loan	Giám đốc điều hành Hành chính – Nhân sự
Ông Ngô Hồng Sơn	Giám đốc điều hành Kỹ thuật



✓ Ông Nguyễn Thành Trung – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành cơ khí chế tạo

Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 184.200 cổ phần – tỷ lệ 5,12%

Quá trình công tác:

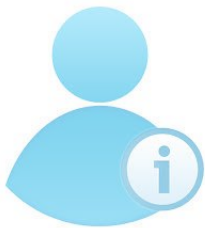
Thời gian	Vị trí
08/1990 – 04/1993	Cán bộ nghiên cứu khoa học phụ trách phần thiết kế Trung tâm Công nghệ khoa học thuộc Viện Khoa học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh
05/1993 – 08/1996	Kỹ sư – Quản Đốc xưởng cơ khí Công ty Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp
09/1996 – 12/2005	Phó Giám đốc Công ty Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp, Phó Tổng Giám đốc CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp
01/2006 – 02/2007	Tổng Giám đốc CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



✓ **Bà Nguyễn Thị Long Châu – Giám đốc điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng**

Năm sinh: 1961

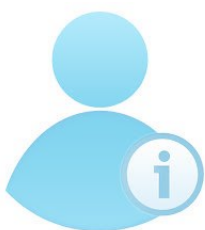
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 52.134 cổ phần – tỷ lệ 1,45%

Quá trình công tác

Bà Nguyễn Thị Long Châu từng nắm giữ chức vụ Phụ trách Kế toán nhà máy Cơ điện Tân Bình, Kế toán trưởng nhà máy Cơ khí Thực phẩm (nay là Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp), đến ngày 15/02/2012 được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cho đến nay.



✓ **Ông Đặng Anh Tuấn – Giám đốc điều hành Sản xuất**

Năm sinh: 1971

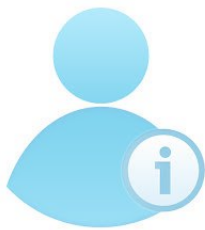
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 25.907 cổ phần – tỷ lệ 0,72%

Quá trình công tác:

Ông Đặng Anh Tuấn từng nắm giữ chức vụ Phó phòng Kỹ thuật, Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, nay là Giám đốc điều hành sản xuất tại Công ty.



✓ **Bà Nguyễn Thị Loan – Giám đốc điều hành Hành chính - Nhân sự**

Năm sinh: 1969

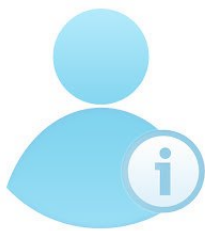
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 42.980 cổ phần – tỷ lệ 1,19%

Quá trình công tác:

Bà Loan từng nắm giữ chức vụ Trưởng văn phòng Giám đốc, Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, nay là Giám đốc điều hành Hành chính - Nhân sự.



✓ **Ông Ngô Hồng Sơn – Giám đốc điều hành Kỹ thuật**

Năm sinh: 1966

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 29.393 cổ phần – tỷ lệ 0,82%

Quá trình công tác:

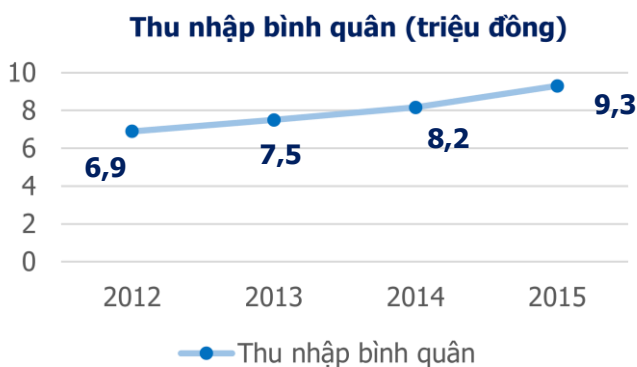
Ông Sơn từng nắm giữ chức vụ Phó Giám đốc nhà máy chế tạo Thiết bị đồng bộ, Trưởng phòng quản lý chất lượng trực thuộc CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, đến ngày 15/02/2012 được bổ nhiệm làm Giám đốc điều hành Kỹ thuật Công ty.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

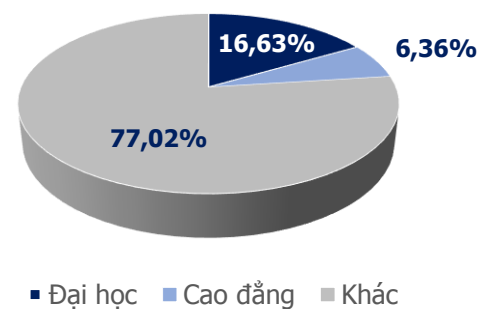
Năm qua Công ty không có sự thay đổi về nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành.

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Tính chất phân loại	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ 2015/2014
A	Theo trình độ	380	409	107,63%
1	Đại học	67	68	101,49%
2	Cao đẳng	17	26	152,94%
3	Khác	296	315	106,42%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	380	409	107,63%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	69	308	446,38%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	311	101	32,48%



Cơ cấu lao động theo trình độ



Trong năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của IMECO luôn diễn ra liên tục, ổn định đảm bảo công việc và trả lương đúng thời hạn cho CBCNV. Tính bình quân, năm qua số lượng người lao động của Công ty đạt 409 người, thu nhập đạt đến 9,3 triệu đồng/người cao. So với 2014, thu nhập bình quân đã tăng

- ✓ Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho CBCNV theo đúng quy định của pháp luật như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- ✓ Về đào tạo, năm qua một số khóa đào tạo được Công ty triển khai cho CBCNV như khóa học Cswip 3.1 cho 1 kỹ sư, đào tạo cấp chứng chỉ nghề cho công nhân, đào tạo thi nâng bậc cho công nhân. Ngoài ra, một số khóa huấn luyện được tổ chức bắt buộc đối với toàn bộ người lao động tham gia sản xuất trực tiếp như đào tạo huấn luyện An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và sơ cấp cứu.
- ✓ Công tác bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường vẫn được công ty duy trì thực hiện. IMECO chủ động trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân, thường xuyên kiểm tra đảm bảo máy móc luôn trong điều kiện an toàn để phục vụ cho hoạt động sản xuất.
- ✓ Công tác chăm lo đời sống, sức khỏe cho người lao động luôn Ban lãnh đạo đặc biệt quan tâm. Trong năm, Công ty đã thực hiện đầu tư cải thiện cơ sở vật chất để có chỗ nghỉ trưa cho công nhân trực tiếp sản xuất, trang bị đầy đủ hệ thống quạt hút, quạt gió trong khu vực làm việc đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty cùng với công đoàn đã thực hiện nghiêm túc Thỏa ước lao động tập thể nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Trường hợp CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn, Công ty sẽ có sự hỗ trợ kịp thời.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ



Công tác đầu tư năm 2015 tiến hành dựa trên kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua, Công ty đã thực hiện hầu hết các hạng mục máy móc thiết bị cần đầu tư, đạt 77,30% theo kế hoạch, tương đương 289,32% so với năm trước. Tuy nhiên, cuối năm còn dở dang 2 hạng mục tài sản chưa hoàn thành đó là hệ thống cung cấp CO² và hệ thống xử lý bụi buồng phun bi. Dự kiến hai hệ thống này sẽ hoàn tất trong Quý I năm 2016, sau đó sẽ tiếp tục đầu tư nâng cấp toàn bộ hệ thống cầu trục nhằm giảm chi phí thuê cầu.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	% tăng giảm
Tổng tài sản	97.144	104.680	7,76%
Doanh thu thuần	150.166	168.425	12,16%
Lợi nhuận từ HĐKD	8.548	10.262	20,06%
Lợi nhuận khác	4.989	3.587	-28,10%
Lợi nhuận trước thuế	13.536	13.849	2,31%
Lợi nhuận sau thuế	10.331	10.857	5,09%
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (đồng/CP)	2.065	2.121	2,71%

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,02	1,60
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,60	1,27
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	50,28%	60,20%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	101,14%	151,25%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,31	7,10
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,55	1,61
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	6,88%	6,45%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	21,39%	26,06%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	10,64%	10,37%
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	5,69%	6,09%



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG & THAY ĐỔI TRONG VỐN CHỦ SỞ HỮU



Tổng số cổ phần	:	3.599.480 cổ phần
Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng
Loại cổ phần đang lưu hành	:	cổ phần phổ thông
Số cổ phần tự do chuyển nhượng	:	3.599.480 cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	:	0 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	:	0 cổ phần

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên Cổ đông lớn	Số lượng CP đang nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO	936.000	26,00
2	Ông Bùi Quang Hải	252.097	7,00
3	Ông Nguyễn Thành Trung	184.200	5,12
Tổng cộng		1.372.297	38,12

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1.1	Nhà nước	01	936.000	9.360.000.000	26,00
1.2	Cổ đông khác	214	2.663.948	26.639.480.000	74,00
Tổng cộng		215	3.599.948	35.999.480.000	100,00
2.1	Cổ đông trong nước	212	3.330.224	33.302.240.000	92,51
	Tổ chức	05	1.005.758	10.057.580.000	27,94
	Cá nhân	207	2.324.466	23.244.660.000	64,57
2.2	Cổ đông nước ngoài	03	269.724	2.697.240.000	7,49
	Tổ chức	01	28.800	288.000.000	0,80
	Cá nhân	02	240.924	2.409.240.000	6,69
Tổng cộng			3.599.948	35.999.480.000	100,00

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Ngày 03/11/2015, Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đã thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn Vốn chủ sở hữu (cụ thể là quỹ đầu tư phát triển) với tỷ lệ phát hành là 20%. Tuy nhiên, đến ngày 30/12/2015, Đại hội đồng cổ đông đã họp một lần nữa tại Trụ sở chính của Công ty và thống nhất chuyển toàn bộ quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và hủy bỏ phương án phát hành cổ phiếu nói trên, thay vào đó sẽ chi trả thêm 20% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu. Vậy trong năm qua, Công ty không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



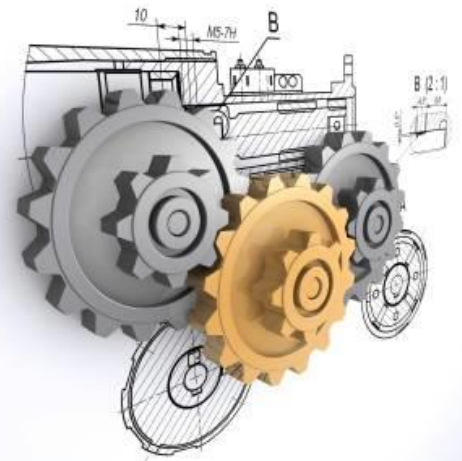
- ✓ **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**
- ✓ **Tình hình tài chính**
- ✓ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- ✓ **Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán**



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



- ✓ Năm 2015 qua hoạt động của Công ty vẫn tiếp tục theo định hướng mà Đại hội đồng cổ đông đầu năm đã thông qua, tuy nhiên, một số chỉ tiêu vẫn còn thấp hơn kế hoạch như doanh thu từ xuất khẩu đạt 93,00%, giá trị xuất khẩu đạt 82,14%. Tình hình bất ổn ở một số quốc gia Châu Âu là một trong những nguyên nhân làm cho doanh thu xuất khẩu giảm. Các đơn hàng đã ký kết với các đối tác nước ngoài được thực hiện theo hợp đồng, tuy nhiên vì sản phẩm là các thiết bị có kích thước lớn, thời gian thực hiện dài, cộng thêm tình hình nhập khẩu vào các nước đặt hàng gặp nhiều khó khăn nên doanh thu thực hiện chưa đạt như mong muốn trong năm 2015. Nhóm doanh thu này dự kiến sẽ được phản ánh vào đầu năm 2016.
- ✓ Riêng đối với doanh thu nội địa, ngoài những khách hàng truyền thống, cuối năm 2014 Công ty đã ký kết được 02 hợp đồng có giá trị lớn với khách hàng là Công ty cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO và Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam, giá trị của 02 hợp đồng này lần lượt là 29,5 tỷ đồng và 20,6 tỷ đồng. Đây là nguyên nhân khiến cho doanh thu từ thị trường nội địa của Công ty tăng mạnh đến 115,91% so với năm trước.
- ✓ Tổng doanh thu đã đạt chỉ tiêu đề ra từ đầu năm, đồng thời tăng 12,20% so với năm 2014. Lợi nhuận trước và sau thuế đều đạt kế hoạch và tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Việc làm được duy trì cho người lao động đồng thời lương bình quân của người lao động tăng từ 8,73 triệu đồng/người/ tháng lên 9,3 triệu đồng/người/ tháng.
- ✓ Riêng số phải nộp ngân sách đã tăng 43,36% so với kế hoạch và tăng 43,44% so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu do khoản thuế đất phải nộp năm 2015 ở mặt bằng Thủ Đức tăng 1.664.776.080 đồng (phải trả từ 169.012.800 đồng/năm lên 1.833.788.880 đồng) và nộp thuế GTGT khác địa phương 550.499.567 đồng.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

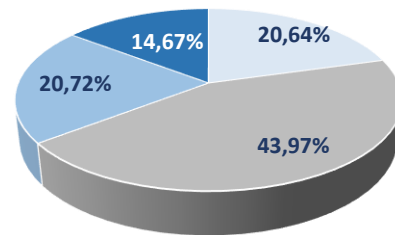


TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014
I. Tài sản ngắn hạn	89.821	87.293
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	18.535	10.689
2. Phải thu ngắn hạn	39.497	49.794
3. Hàng tồn kho	18.611	18.212
4. Tài sản ngắn hạn khác	13.178	8.599
II. Tài sản dài hạn	14.859	9.850
1. Tài sản cố định	13.138	9.639
2. Tài sản dài hạn khác	1.508	-
Tổng tài sản	214	211

Cơ cấu tài sản của công ty trong những năm qua chủ yếu là tài sản ngắn hạn chiếm đa số từ 80% trở lên. Năm 2015 tài sản cố định của Công ty gần trọn khoản mục tài sản dài hạn với tỷ trọng là 97,85% tương đương 13,14 tỷ đồng trong tổng 14,86 tỷ đồng. Đối với tài sản ngắn hạn thì khoản phải thu ngắn hạn đang có tỷ trọng cao nhất (57,09%), trong đó chủ yếu là phải thu của khách hàng do hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại.

Cơ cấu tài sản ngắn hạn



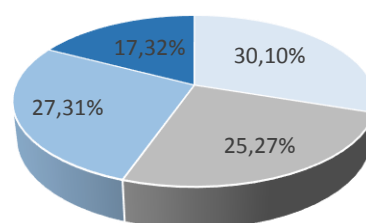
- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Phải thu ngắn hạn
- Hàng tồn kho
- Tài sản ngắn hạn khác

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014
I. Nợ ngắn hạn	56.143	43.119
1. Phải trả người bán ngắn hạn	3.167	4.880
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.333	9.681
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.925	3.459
4. Phải trả người lao động	16.901	15.896
5. Phải trả ngắn hạn khác	14.185	6.808
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.632	2.395
II. Nợ dài hạn	6.873	5.707
1. Dự phòng phải trả dài hạn	6.873	5.707
Tổng nợ	63.017	48.826

Tính đến thời điểm 31/12/2015, Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính. Tương tự như Tài sản, Cơ cấu nợ của Công ty vẫn nghiêng về phía nợ ngắn hạn phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh như phải trả người lao động, người mua trả tiền trước, thuế và các khoản phải nộp. Nợ ngắn hạn chiếm 89,31% trong Tổng nợ và phần còn lại 10,91% thuộc về nợ dài hạn

Cơ cấu nợ ngắn hạn



- Phải trả người lao động
- Phải trả ngắn hạn khác
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Công tác sản xuất

- ✓ Khẩn trương hoàn thành các công trình đang thi công dở dang ở năm 2015, cũng như tiến hành nhanh các hợp đồng ký kết trong năm 2016, đẩy mạnh công tác nghiệm thu, quyết toán, xác nhận doanh thu, thu hồi vốn. Kiểm soát chặt chẽ tiến độ thi công từng công trình để đảm bảo giao hàng đúng thời hạn quy định. Thường xuyên tổ chức công tác rèn luyện tay nghề cho công nhân góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Quản lý chặt chẽ quá trình sản xuất, thực hành tiết kiệm vật tư, chi phí, có kế hoạch bảo dưỡng, bảo trì thiết bị đúng quy định nhằm phát huy tốt công suất máy móc thiết bị, nhà xưởng giúp sản phẩm làm ra không những đạt chất lượng đúng với yêu cầu của khách hàng mà còn tiết kiệm được chi phí.
- ✓ Tiếp tục đẩy mạnh phát triển lĩnh vực sản xuất hàng cơ khí có hàm lượng kỹ thuật cao, huy động mọi nguồn lực có thể, để đảm bảo chất lượng sản phẩm làm ra đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường.
- ✓ Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm tại công ty theo hệ thống ISO 9001-2008. Tổ chức thực hiện tốt hệ thống quản lý hàn theo tiêu chuẩn Châu Âu EN 3834-2. Chú trọng trong công tác nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới vào sản xuất, phát triển các sản phẩm có giá trị cao.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



✓ Công tác kinh doanh, thị trường

Tổ chức tốt công tác dự báo thị trường để xây dựng kế hoạch, định hướng kinh doanh hợp lý và hiệu quả. Bám sát thực tiễn kinh doanh của công ty để kịp thời điều chỉnh, bổ sung chính sách kinh doanh và kế hoạch tài chính cho phù hợp. Đặc biệt chú ý đến thời gian giao hàng nhằm đảm bảo doanh thu, tăng vòng quay vốn, tăng hiệu suất sử dụng vốn.

Khai thác tốt thị trường hiện có, chú trọng công tác xuất khẩu để quảng bá thương hiệu ra quốc tế. Kế thừa thành công của thị trường xuất khẩu: Đức, Đan Mạch, Anh, Mỹ,... để xây dựng thương hiệu trong nước. Không quên nỗ lực đàm phán để mở rộng thêm thị trường mới. Tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu, áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh và phát triển sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu của thị trường.

✓ Công tác đầu tư

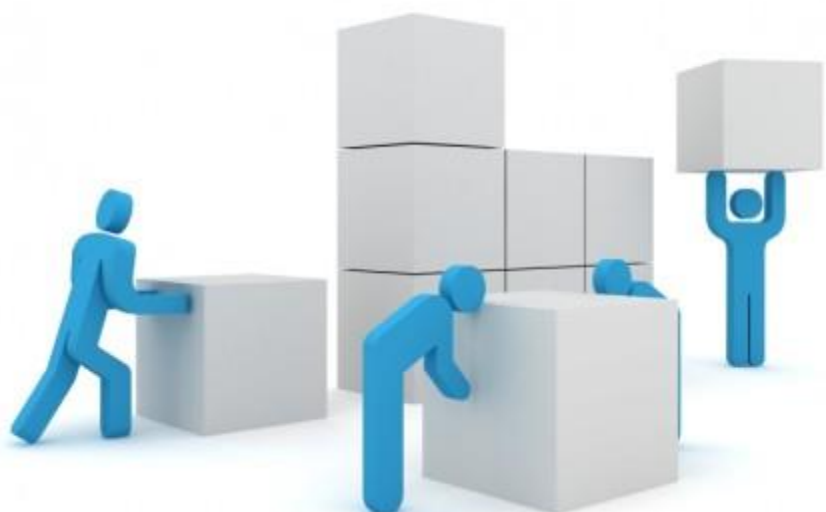
Đẩy nhanh tiến độ công tác đầu tư để chuẩn bị cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong khoản thời gian còn lại của năm 2016, từ đó phấn đấu thực hiện thành công kế hoạch hoạt động năm. Tổng số vốn đầu tư dự kiến là 11,050 tỷ đồng, được công ty thực hiện như sau:

Đầu tư mới 01 máy doa, 03 máy tiện CNC, Thiết bị sơn, 03 bộ cầu trục 10T; 03 bộ bán cầu trục 3T và 05 bộ cần trục trên máy;

Đầu tư trang bị thêm một số máy công cụ cho sản xuất như máy hàn TIG, máy hàn MIG và một số máy công cụ khác.

Cải tạo nâng cấp, sửa chữa nhà nghỉ, nhà kho, nhà xưởng, văn phòng tại mặt bằng khu vực khu vực quận Thủ Đức và quận 12.

Trang bị phần mềm trực tuyến (server + máy tính).



✓ Các hoạt động khác

Triển khai, tìm mọi biện pháp tăng năng suất lao động để thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 với các chỉ tiêu chủ yếu như: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận tối thiểu phải đạt bằng hoặc cao hơn kế hoạch đề ra, nhằm đảm bảo mức chi cổ tức cho cổ đông là 17%/năm.

Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, quy hoạch, lựa chọn, đào tạo và tuyển dụng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao phục vụ cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Đảm bảo việc làm ổn định, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động trong công ty với dự kiến thu nhập bình quân là 10.420.000/người/ tháng. Đặc biệt, chú trọng hơn vào công tác an toàn và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Thực hiện tốt các công tác phong trào, đoàn thể, cộng đồng, an sinh xã hội, vv...

Công ty luôn có sự kết nối tận tâm trong quá trình hoạt động giữ tập thể ban lãnh đạo và CBCNV, ngoài ra với truyền thống đoàn kết, gắn bó cùng với tinh thần ý thức trách nhiệm cao đã tồn tại từ rất lâu, những điều này sẽ giúp IMECO phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2016.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỌC VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AACCS) đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến khác.

A top-down view of a meeting table. Several hands are visible, some resting on the table, others holding smartphones or pens. There are several charts and documents spread out, including a large blue bar chart, a line graph, and a smaller bar chart with a y-axis ranging from 0 to 30. The text "BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ" is overlaid in the center.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

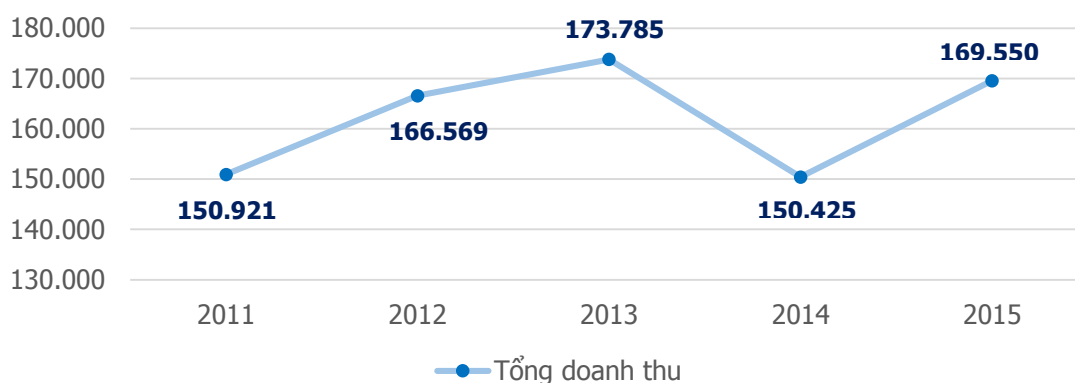


- ✓ **Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty**
- ✓ **Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**
- ✓ **Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	150.921	166.569	173.785	150.425	169.550
	- Doanh thu xuất khẩu	Tr.đ	100.152	126.370	138.191	126.754	117.875
	- Doanh thu nội địa	Tr.đ	48.529	39.160	34.824	23.412	50.550
	- Doanh thu HĐTC	Tr.đ	2.240	1.039	770	259	1.125
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	11.800	12.320	13.464	13.536	13.849
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	8.849	9.794	10.088	10.331	10.857
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	14	15	16	17	37
5	Thu nhập bình quân (người/tháng)	1.000đ	6.000	6.900	7.557	8.165	9.300

Biến động doanh thu qua các năm (triệu đồng)



Trong 05 năm của nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị đã nỗ lực hết mình để đưa hoạt động của Công ty tăng trưởng mang lại lợi nhuận cho cổ đông, đảm bảo việc làm và nâng cao thu nhập của người lao động. Với sự mở cửa hội nhập kinh tế trong những năm qua vừa mang lại những lợi ích và đồng thời cũng tồn tại sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp trong ngành và DN ngoại

Tuy nhiên, kết quả kinh doanh của những năm qua đã cho thấy được hiệu quả hoạt động của Công ty. Doanh thu từ 150 tỷ của năm 2011 đã tăng lên 169,55 tỷ trong năm 2015 và đỉnh điểm là 173,78 tỷ trong năm 2013. Đồng thời, lợi nhuận sau thuế tăng từ 8,8 tỷ lên 10,85 tỷ trong khoảng thời gian này. Tỷ lệ cổ tức tăng đều qua các năm và đặc biệt năm 2015, tỷ lệ trả cổ tức đã đạt 37%. Hầu hết kế hoạch kinh doanh của những năm qua đều đảm bảo hoàn thành. Đây thực sự là những kết quả rất đáng tự hào trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tại IMECO.

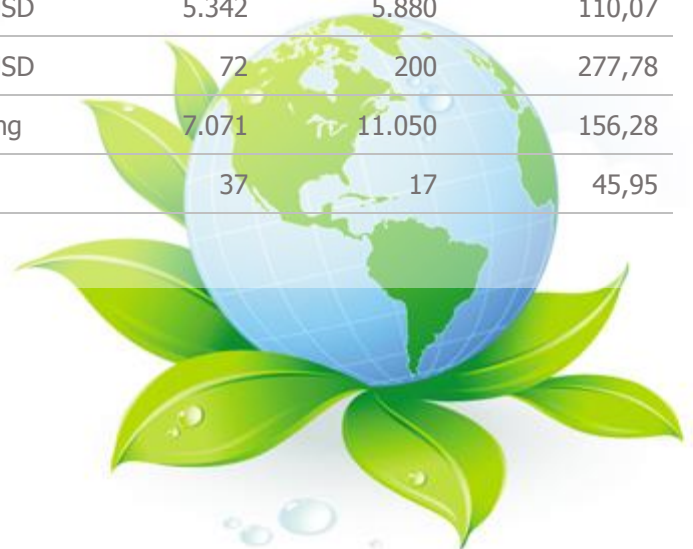
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm qua Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực hoạt động để đảm bảo kế hoạch kinh doanh của Công ty đạt kỳ vọng mặc dù gặp một số khó khăn do một số quốc gia có đơn hàng xuất khẩu gặp biến động dẫn đến doanh thu ghi nhận của mảng này chưa đạt như mong muốn đầu năm, tuy nhiên, Tổng doanh thu và Lợi nhuận đều đảm bảo kế hoạch. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đều được Ban Tổng Giám đốc triển khai đúng đắn và phù hợp với tình hình thực tế.

HĐQT cho rằng Ban Tổng Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng và nhiệm vụ của mình và đã cùng với toàn bộ CBCNV mang lại kết quả kinh doanh bền vững trong những năm qua.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016	So sánh (%)
A	B	C	1	2	3 = 2/1
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	169.550	171.617	101,22
	<i>Trong đó: Doanh thu XK</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>117.875</i>	<i>130.457</i>	<i>110,68</i>
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	13.849	14.000	101,09
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	10.857	10.920	100,58
4	Kim ngạch xuất khẩu	1.000USD	5.342	5.880	110,07
5	Kim ngạch nhập khẩu	1.000USD	72	200	277,78
6	Tổng vốn đầu tư	Tr.đồng	7.071	11.050	156,28
7	Cổ tức	%	37	17	45,95





QUẢN TRỊ CÔNG TY



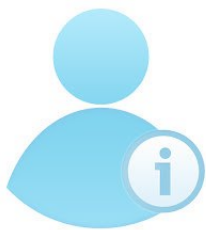
- ✓ **Hội đồng quản trị**
- ✓ **Ban kiểm soát**
- ✓ **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích**



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thành viên	Chức Vụ
Ông Bùi Quang Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc nhà máy
Ông Nguyễn Cao Hoảng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Đới Văn Lâm	Thành viên HĐQT không điều hành



✓ Ông Bùi Quang Hải - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1953

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành máy hóa – thực phẩm

Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác: Không

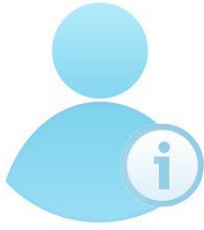
Số cổ phần nắm giữ: 252.097 cổ phần – tỷ lệ 7,00%

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
06/1985 – 08/1988	Giám đốc Xí nghiệp Cơ Điện Tân Bình
09/1988 – 05/1992	Cán bộ tổ chức lao động Việt Nam tại Tiệp Khắc
06/1992 – 10/1996	Giám đốc Nhà máy Cơ Khí Thực Phẩm
11/1996 – 03/2001	Giám đốc Công ty Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp
04/2001 – 05/2004	Phó Tổng Giám đốc công ty Máy và Thiết bị Công Nghiệp kiêm Giám đốc Công ty Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp
01/2006 – 02/2007	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp
03/2007 – 06/2008	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp
07/2008 – 07/2013	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp, Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cơ khí SABECO

✓ Ông Nguyễn Thành Trung – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Thông tin chi tiết ở mục Ban Tổng Giám đốc)



✓ **Ông Nguyễn Quốc Bình - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc nhà máy**

Năm sinh: 1958

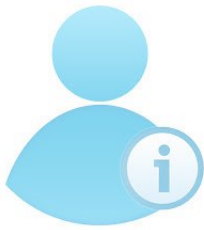
Trình độ chuyên môn: Kinh tế kế hoạch

Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 54.188 cổ phần – tỷ lệ 1,51%

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
1981 – 1983	Sỹ quan Quân đội nhân dân Quân khu 7
1983 – 1987	Công chức phòng TCLĐXH huyện Long Khánh, Đồng Nai
1987 – Nay	Phó Quản Đốc phân xưởng May, Cán bộ Kinh doanh phòng KCT, Phó Giám đốc nhà máy chế tạo Thiết bị Đồng bộ thuộc CTCPCơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp



✓ **Ông Nguyễn Cao Hoàng –Thành viên Hội đồng quản trị**

Năm sinh: 1959

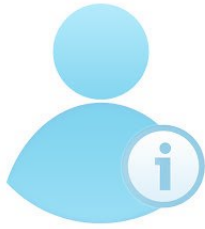
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 50.700 cổ phần – tỷ lệ 1,41%

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
1981 – 1988	Sỹ quan Quân đội nhân dân Việt Nam
1988 – 1994	Phó Tổng Giám đốc liên hiệp KHSX Công nghệ mới
1994 – Nay	Giám đốc Trung tâm PTKT và CNTP



✓ **Ông Đới Văn Lân – Thành viên Hội đồng quản trị**

Năm sinh: 1956

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: Không

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
1986 – 04/2006	Quản lý phân xưởng cơ khí (bảo trì) – Phó Quản Đốc phân xưởng cơ khí trực thuộc Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
05/2006 – 06/2008	Giám đốc xí nghiệp dịch vụ kỹ thuật trực thuộc Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
07/2008 – 06/2013	Giám đốc điều hành Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO
07/2013 – Nay	Tổng Giám đốc điều hành Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: Không có.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã có 03 cuộc họp với sự tham dự của các thành viên chi tiết như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Bùi Quang Hải	Chủ tịch HĐQT	03/03	100%	
2	Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	03/03	100%	
3	Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên HĐQT	03/03	100%	
4	Ông Nguyễn Cao Hoảng	Thành viên HĐQT	02/03	67%	Bận công tác, uỷ quyền biểu quyết cho Chủ tịch
5	Ông Đới Văn Lân	Thành viên HĐQT	03/03	80%	

CÁC NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM 2015 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số NQ/QĐ	Thời gian	Nội dung
1	88/NQ-HĐQT	03/04/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua ước thực hiện SXKD Quý 1/2015. - Thông qua dự kiến lấy ngày 23/05/2015 để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 và các tài liệu chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
2	89/QĐ-HĐQT	03/04/2015	<p>Dự kiến lấy ngày 23/05/2015 để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 - Công ty CP Cơ khí & Xây lắp Công nghiệp</p>
3	117/NQ-ĐHCD	23/05/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo thực hiện SXKD năm 2014 và kế hoạch SXKD năm 2015 - Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị về việc đàm phán với đối tác đang cần mua Công ty - Thông qua Báo cáo công tác quản lý, giám sát năm 2014 và chương trình hoạt động năm 2015 của Hội đồng quản trị - Thông qua xác định giá trị tài sản trên đất tại Quận 12 là 40 tỷ đồng - Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát, thẩm định hoạt động tài chính và công tác kiểm tra, kiểm soát năm 2014. - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty - Thông qua Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2014 - Thông qua việc giao cho Ban điều hành lập phương án tăng vốn điều lệ bằng cổ phiếu thường trình Hội đồng quản trị xin ý kiến cổ đông bằng văn bản - Thông qua kế hoạch tài chính năm 2015 - Thông qua phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát và trích thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2015 - Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tất cả các cổ đông Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý cùng toàn thể công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

CÁC NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM 2015 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số NQ/QĐ	Thời gian	Nội dung
4	121/QĐ-HĐQT	23/05/2015	Giao chỉ tiêu đơn giá tiền lương năm 2015
5	162/NQ-HĐQT	03/07/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. - Thông qua tình hình thực hiện hoạt động SXKD, đầu tư, công nợ 6 tháng đầu năm 2015 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2015. Nhất trí dùng quỹ dự phòng tài chính để xử lý công nợ gần 1 tỷ đồng của Promecon. - Thông qua phương án tăng vốn điều lệ bằng cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 20%, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện hoàn tất đầu năm 2016 - Thông qua việc giao cho Tổng Giám đốc làm việc với đối tác về việc mua cổ phần IMECO và báo cáo kết quả cho HĐQT - Thông qua việc sang nhượng giá trị tài sản trên đất tại Quận 12 với giá sàn là 40 tỷ đồng chưa có thuế và không bao gồm tài sản là MMTB, được tổ chức thực hiện theo phương thức chào giá cạnh tranh. - Thông qua việc đầu tư hệ thống trữ và cấp CO2 cho máy hàn theo Tờ trình số 153 của Tổng Giám đốc.
6	163a/QĐ-HĐQT	03/07/2015	Phê duyệt đầu tư hệ thống trữ và cấp CO2 cho máy hàn
7	218/QĐ-HĐQT	31/08/2015	Phê duyệt giá trị đầu tư và nhà cung cấp hệ thống bán cầu trục đầm đôi 15T khẩu độ 17m x 10m x 129m
8	271a/NQ-HĐQT	20/10/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo tình hình SXKD quý III, kế hoạch SXKD quý IV/2015 và chủ trương kế hoạch SXKD năm 2016 bằng với năm 2015. - Thông qua việc Hội đồng quản trị thông báo cho các cổ đông về đối tác nước ngoài đã đặt vấn đề mua lại cổ phần IMECO và chọn tư vấn là Công ty cổ phần chứng khoán FPT để lo các thủ tục pháp lý về sang nhượng cổ phần cho cổ đông. - Thông qua việc Hội đồng quản trị sẽ tổ chức đại hội cổ đông bất thường để báo cáo việc sang nhượng cổ phần cho đối tác nước ngoài. - Thông qua việc giao cho Tổng Giám đốc thay mặt HĐQT làm việc với HĐQT Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn (SABECO) về việc cổ phần của SABECO với đối tác nước ngoài. - Thông qua việc chốt lấy ý kiến cổ đông vào ngày 02/11/2015 về việc tăng vốn bằng nguồn vốn chủ sở hữu.
9	272b/NQ-HĐQT	20/10/2015	Thông qua việc chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp.

STT	Số NQ/QĐ	Thời gian	Nội dung
10	275/QĐ-HĐQT	22/10/2015	Ủy quyền của HĐQT cho Tổng giám đốc được toàn quyền thực hiện các giao dịch với Ngân hàng BIDV.
10	290/NQLYK-ĐHCĐ	03/11/2015	Thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án phát hành đính kèm
11	301/NQ-HĐQT	13/11/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc lấy ý kiến cổ đông về việc hủy phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 20%/ vốn điều lệ - Thông qua việc chuyển quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (theo bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 31/12/2014) toàn bộ số tiền là 8.357.505.017 đồng (Tám tỷ ba trăm năm mươi bảy triệu năm trăm lẻ năm ngàn không trăm mười bảy đồng). - Thông qua việc điều chỉnh mức chi trả cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt tỷ lệ 17%/vốn điều lệ lên 37%/vốn điều lệ (3.700đồng/ cổ phiếu) - Thông qua việc đăng ký sang nhượng cổ phần cho đối tác mới theo phương án của Hội đồng quản trị trình - Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty
12	348/NQ-ĐHCĐ	30/12/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp - Thông qua việc áp dụng Điều lệ sửa đổi vào Đại hội cổ đông bất thường - Thông qua việc hủy phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu - Thông qua việc chuyển quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (theo bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 31/12/2014) toàn bộ số tiền là 8.357.505.017 đồng - Thông qua việc điều chỉnh mức chi trả cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt tỷ lệ 17%/vốn điều lệ lên 37%/vốn điều lệ (3.700đồng/cổ phiếu) - Thông qua việc sang nhượng cổ phần IMECO với giá trị giao dịch toàn bộ cổ phần từ 8 triệu USD trở lên và sau khi có ý kiến trả lời bằng văn bản của SABECO đồng ý chuyển nhượng, Đại hội chính thức ủy quyền cho Hội đồng quản trị IMECO đàm phán chuyển nhượng với đối tác, hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng cho các cổ đông theo quy định của Pháp luật. - Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tất cả cổ đông Công ty cổ phần cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý cùng toàn thể công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
13	355/QĐ-HĐQT	31/12/2015	Ban hành Quy chế điều hành Công ty (sửa đổi lần 1)

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

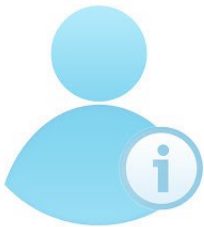
Ông Nguyễn Cao Hoảng - Thành viên HĐQT độc lập tại Công ty trong năm đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, tiếp tục giúp HĐQT điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển đã đặt ra.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên	Chức Vụ
Ông Huỳnh Phước Năng	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Văn Lớn	Thành viên
Ông Hà Ngọc Long	Thành viên



✓ Ông Huỳnh Phước Năng – Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1956

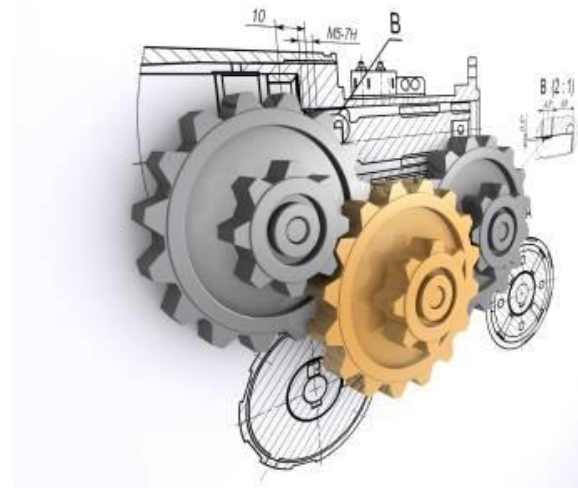
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí – Cử nhân kinh tế

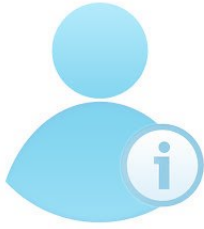
Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: Không

Quá trình công tác

Ông Năng từng giữ các chức vụ Cán bộ kỹ thuật nhà máy Cơ khí Bia Rượu, Xí nghiệp vận tải Công ty Bia Sài Gòn, Trưởng Phòng kỹ thuật Công ty Bia Sài Gòn và hiện nay đang làm Giám đốc điều hành tại Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO trực thuộc Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.





✓ **Ông Nguyễn Văn Lớn – Thành viên Ban kiểm soát**

Năm sinh: 1955

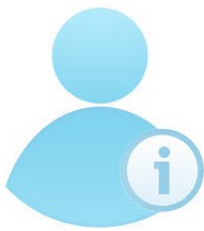
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Kế toán doanh nghiệp

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 12.000 cổ phần – tỷ lệ 0,33%

Quá trình công tác:

Ông Lớn từng giữ chức Phó phòng Hành chính - Nhân sự và hiện nay là Trưởng phòng Hành chính - Nhân sự của Công ty. Ngoài ra ông còn là Phó Bí Thư Đảng Bộ CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp trong nhiều nhiệm kỳ.



✓ **Ông Hà Ngọc Long – Thành viên Ban kiểm soát**

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Trung cấp điện

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 10.475 cổ phần – tỷ lệ 0,29%

Quá trình công tác:

Ông Long từng nắm giữ các chức vụ Tổ trưởng tổ Điện Công ty IMECO, Nhân viên kỹ thuật Công ty IMECO, Quản Đốc phân xưởng Bảo trì và Xử lý bề mặt. Ngoài ra ông đã từng làm Bí Thư đoàn trong nhiều nhiệm kỳ.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- ✓ Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện cơ chế kiểm soát thông qua vị trí công tác của các thành viên trong ban KS, các thành viên báo cáo công tác thực hiện vào ngày 5-10 hàng tháng, Trưởng Ban kiểm soát tổng hợp các kết quả kiểm soát để ra báo cáo công tác gửi đến HĐQT và ban điều hành. Ban Kiểm soát đã thực hiện việc báo cáo hàng tháng có tốt hơn so với năm 2014.
- ✓ Trong năm 2015 Ban kiểm soát cũng đã thực hiện họp định kỳ 1 lần vào tháng 9/2015 để kiểm điểm việc thực hiện công tác theo hướng dẫn của Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính về Quy định về quản trị công ty cho các Công ty đại chúng. Hàng tháng, ban kiểm soát đều có các báo cáo của từng thành viên bằng email, trên cơ sở đó trưởng ban kiểm soát tổng hợp báo cáo thông qua ý kiến đồng thuận.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- ✓ Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trên cơ sở các cuộc họp trên HĐQT có các quyết định thông qua KHSX KD 2016, thông qua các báo cáo trình ĐHCĐ bất thường 2015 và ĐHCĐ 2016, KHĐT 2016, triển khai thực hiện NQĐHCĐ, tham dự các cuộc họp cùng các đối tác có ý định mua cổ phiếu của IMECO, thông qua việc thực hiện KH từng quý, ban KS cũng thực hiện chức năng của ban trong các khuyến nghị để thực hiện đúng các quy định của Điều lệ của Công ty.
Đánh giá của Ban kiểm soát là HĐQT đã thực hiện chức năng lãnh đạo và kiểm tra thực hiện kịp thời, các quyết định phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với các quy định, tạo cơ chế làm việc phối hợp tốt giữa HĐQT, Ban Điều hành và Ban kiểm soát. Đối với các cuộc họp của Ban điều hành, thông qua các thành viên BKS dự họp trực tiếp có ý kiến cho công tác kiểm tra phù hợp với chức năng nhiệm vụ của BKS. Các hoạt động của BKS được HĐQT cũng như ban Điều hành tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện và các kiến nghị của BKS cũng được HĐQT và ban Điều hành thực hiện hoặc khắc phục.
- ✓ Trên cơ sở các báo cáo hàng tháng của BKS và tại các cuộc họp của HĐQT ban KS có những kiến nghị, đánh giá cho các hoạt động, việc thực hiện các NQ của HĐQT của ban Điều hành và góp ý trực tiếp với các ý kiến độc lập đối với HĐQT.

CÁC GIAO, DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

THÙ LAO, LƯƠNG THƯỜNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Năm 2015, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2015.

Hội đồng quản trị

Chủ tịch : 81.000.000 đồng (đã trừ thuế TNCN)

Thành viên : 48.600.000 đồng

Ban kiểm soát

Trưởng ban : 48.600.000 đồng

Thành viên : 32.400.000 đồng

Ngoài ra, lương thường của Ban điều hành cũng được thực hiện theo quy chế trả lương, thưởng của Công ty với tổng giá trị trong năm bằng 3.560.255.201 đồng.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ : Không có.

HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ : Không có.

VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật và các thông lệ tốt mà Công ty cho rằng phù hợp với tình hình thực tiễn của mình.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015



A close-up photograph of a financial statement grid. The grid consists of several rows and columns of numerical data. A silver pen tip is visible on the right side of the grid, pointing towards the numbers. The numbers are printed in a dark blue or black font on a light-colored background. The grid is slightly blurred, with the focus on the numbers in the foreground.

45.0001	31.3	44.196	38.644	44.536	46.1
2711					29.67
			34.688		
		27.56			
		52.08			





Số: 76.../BCKT-TC/2016/AASCs

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP (IMECO)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (Imeco), được lập ngày 01/02/2016, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (Imeco) tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Kiểm toán viên điều hành

PHÙNG NGỌC TOÀN

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0335-2013-142-1



**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)**

Tổng Giám đốc



ĐỖ KHẮC THANH

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0064-2013-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (08) 3820 5944 - (08) 3820 5947 - Fax: (08) 3820 5942
Email: info@aasc.com.vn Website: www.aasc.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.820.917.461	87.293.486.183
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.535.387.289	10.688.859.766
Tiền	111	V.1	18.535.387.289	6.688.859.766
Các khoản tương đương tiền	112	V.1	-	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.496.866.259	49.793.695.196
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	38.861.486.221	48.337.159.299
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		247.307.000	843.027.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	388.073.038	613.508.897
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	18.610.736.661	18.211.838.257
Hàng tồn kho	141		18.610.736.661	18.211.838.257
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.177.927.252	8.599.092.964
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	626.572.860	1.102.963.489
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.10	10.169.032.790	6.036.865.806
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	2.382.321.602	1.459.263.669
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.859.495.213	9.850.093.998
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2	-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.3	-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.137.816.349	9.638.703.998
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	13.019.760.793	9.437.315.109
- Nguyên giá	222		68.243.901.326	62.540.193.877
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.224.140.533)	(53.102.878.768)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
	6			



12 / T. Á. KH. 101

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định vô hình	227	V.7	118.055.556	201.388.889
- Nguyên giá	228		855.948.500	855.948.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(737.892.944)	(654.559.611)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.5	1.508.001.364	-
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	V.5	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.5	1.508.001.364	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		213.677.500	211.390.000
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	213.677.500	211.390.000
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		104.680.412.674	97.143.580.181



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		63.016.704.946	48.847.158.412
I. Nợ ngắn hạn	310		56.143.441.959	43.139.960.126
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	3.167.202.179	4.879.569.083
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.332.818.622	9.681.305.939
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	2.924.927.643	3.459.138.468
Phải trả người lao động	314		16.901.329.037	15.895.572.400
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	-	20.800.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	14.184.915.986	6.808.079.565
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quý khen thưởng, phúc lợi	322		3.632.248.492	2.395.494.671
Quý bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.873.262.987	5.707.198.286
Phải trả người bán dài hạn	331	V.9	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	V.11	-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.12	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.13	6.873.262.987	5.707.198.286
Quý phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.663.707.728	48.296.421.769
I. Vốn chủ sở hữu	410		41.663.707.728	48.296.421.769
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.14	35.999.480.000	35.999.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.14	35.999.480.000	35.999.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	V.14	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	V.14	-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.14	-	-
Cổ phiếu quỹ	415	V.14	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.14	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.14	-	-
Quý đầu tư phát triển	418	V.14	3.469.994.811	11.147.990.718
Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	V.14	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.14	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.14	2.194.232.917	1.148.951.051
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.194.232.917	1.148.951.051
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		104.680.412.674	97.143.580.181

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ QUÝ

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LONG CHÂU

Lập, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THÀNH TRUNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	168.459.927.601	150.201.788.279
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	35.183.330	36.127.842
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		168.424.744.271	150.165.660.437
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	130.741.635.482	119.501.574.146
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.683.108.789	30.664.086.291
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	349.053.370	258.821.336
Chi phí tài chính	22	VI.5	88.075.867	-
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		88.075.867	-
Chi phí bán hàng	25	VI.8	7.409.342.598	5.688.779.915
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	20.272.590.367	16.686.615.365
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		10.262.153.327	8.547.512.347
Thu nhập khác	31	VI.6	3.613.626.783	6.030.480.120
Chi phí khác	32	VI.7	26.786.667	1.041.766.121
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.586.840.116	4.988.713.999
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.848.993.443	13.536.226.346
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	2.991.711.949	3.204.890.839
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		10.857.281.494	10.331.335.507
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.121	2.065
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	2.121	

Lập, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ QUÝ

NGUYỄN THỊ LONG CHÂU

NGUYỄN THÀNH TRUNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		196.387.659.084	138.149.121.767
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(117.154.280.683)	(82.087.704.685)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(47.462.962.363)	(40.277.597.324)
Tiền lãi vay đã trả	04		(88.075.867)	-
Thuế TNDN đã nộp	05		(3.285.877.667)	(2.990.900.689)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.481.336.672	475.550.666
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.104.210.379)	(5.963.881.278)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.773.588.797	7.304.588.457
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài	21		(7.071.420.404)	(2.456.415.951)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài	22		200.000.000	42.327.273
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		101.350.605	222.891.227
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.770.069.799)	(2.191.197.451)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		14.280.266.578	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.280.266.578)	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.156.991.475)	(253.261.590)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.156.991.475)	(253.261.590)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		7.846.527.523	4.860.129.416
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	10.688.859.766	5.828.730.350
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	18.535.387.289	10.688.859.766

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ QUÝ

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LONG CHÂU

Lập, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH TRUNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Cơ khí và Xây lắp Công Nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2385/QĐ-TCCB ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004265 ngày 16/01/2006 và thay đổi lần thứ 4 số 0300628797 ngày 13/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13/04/2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh : 35.999.480.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2015 : 35.999.480.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 929 - 931 Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, TP. HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, dịch vụ và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ. Lắp đặt máy móc, thiết bị điện; nước và hoàn thiện công trình. Lắp đặt các thiết bị hạ thế và trung thế đến 22KV. Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, sản xuất tấm lợp-xà gồ thép và khung nhà tiền chế (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện). Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi. Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp bao gồm: công trình giao thông, công trình cấp thoát nước. Xử lý nước thải. Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:	Không có				
Công ty liên kết:					
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco	215 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, TP. HCM	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
Cơ sở đồng kiểm soát:	Không có				
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:	Không có				

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20	năm
- Máy móc, thiết bị	5 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 5	năm
- Phần mềm quản lý	3	năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này. Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

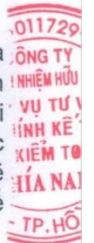
Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;

- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;

- Ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Một khoản dự phòng cho các khoản chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp chỉ được ghi nhận khi có đủ các điều kiện ghi nhận đối với các khoản dự phòng theo quy định tại Chuẩn mực kế toán "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Các khoản dự phòng phải trả được trích lập hay hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Các khoản dự phòng phải trả khi trích lập ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng; khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí SX chung và hoàn nhập vào thu nhập khác.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.



Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Trái phiếu chuyển đổi được theo dõi theo từng loại, kỳ hạn, lãi suất và mệnh giá.

Khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu; lãi trái phiếu ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khi đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả trái phiếu trong trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ghi tăng vốn chủ sở hữu tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm trong trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang ...

Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong các trường hợp:

- Khi có quyết định của Nhà nước;
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước quy định, Hội đồng định giá tài sản hoặc cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

c. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu /

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

18. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy

19. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

23. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn/ nhận góp vốn;

- Đối với nợ phải thu nợ phải thu: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Đối với nợ phải trả nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

25. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	505.316.866	425.288.633
- Tiền gửi ngân hàng	18.030.070.423	6.263.571.133
+ Tiền gửi (VND)	4.128.701.465	5.472.306.149
<i>Ngân hàng ĐT&PT</i>	4.128.701.465	5.472.306.149
+ Tiền gửi (USD)	13.841.024.087	139.991.109
<i>Ngân hàng ĐT&PT</i>	13.841.024.087	139.991.109
+ Tiền gửi (EUR)	60.344.871	651.273.875
<i>Ngân hàng ĐT&PT</i>	60.344.871	651.273.875
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	4.000.000.000
+ Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	-	4.000.000.000
<i>Ngân hàng ĐT&PT</i>	-	4.000.000.000
Cộng	18.535.387.289	10.688.859.766

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
2.1. Ngắn hạn	38.861.486.221	48.337.159.299
AAF International LTD	1.598.178.750	1.241.595.609
HOWDEN UK LTD	-	6.899.859.003
NEM POWER SYSTEMS	32.877.983.111	20.200.543.864
ANDRITZ AKTIEBOLAG	-	9.666.797.243
Các khách hàng khác	4.385.324.360	10.328.363.580
2.2. Dài hạn	-	-
2.3. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	38.861.486.221	48.337.159.299

011728
 CÔNG TY
 THIÊN HƯ
 VỤ TƯ
 NH KẾ
 TIỀN TI
 Á NA
 TP. HC

3 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng	96.028.024	-	313.945.380	-
Phải thu về BHXH	121.804.378	-	163.359.562	-
Phải thu ngắn hạn khác	170.240.636	-	136.203.955	-
Cộng	388.073.038	-	613.508.897	-

4 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	9.010.348.765	-	13.741.679.248	-
- Công cụ, dụng cụ	1.356.653.877	-	2.091.350.411	-
- Chi phí SXKD dở dang	7.936.928.224	-	2.378.808.598	-
- Thành phẩm	-	-	-	-
- Hàng hóa	306.805.795	-	-	-
Cộng	18.610.736.661	-	18.211.838.257	-

5 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà kho	266.800.120	-
Nhà nghỉ	339.816.556	-
Cầu trục 2T	79.723.063	-
Cầu trục 3T	211.446.816	-
Bồn CO2	610.214.809	-
Cộng	1.508.001.364	-



178
TY
ÂN
Â
HI
50

6 TÁNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	15.433.984.507	42.010.020.037	4.640.845.213	455.344.120	-	62.540.193.877
Số tăng trong năm	383.229.912	6.604.826.852	-	83.363.640	-	7.071.420.404
- Mua trong năm	255.000.000	5.490.540.000	-	83.363.640	-	5.828.903.640
- Đầu tư XDCB hoàn thành	128.229.912	1.114.286.852	-	-	-	1.242.516.764
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	1.127.712.955	240.000.000	-	-	1.367.712.955
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.127.712.955	240.000.000	-	-	1.367.712.955
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	15.817.214.419	47.487.133.934	4.400.845.213	538.707.760	-	68.243.901.326
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	13.294.346.693	36.830.212.981	2.764.886.883	213.432.211	-	53.102.878.768
Số tăng trong năm	952.109.621	1.950.813.573	518.249.295	59.215.564	-	3.480.388.053
- Khấu hao trong năm	952.109.621	1.950.813.573	518.249.295	59.215.564	-	3.480.388.053
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	1.119.126.288	240.000.000	-	-	1.359.126.288
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.119.126.288	240.000.000	-	-	1.359.126.288
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	14.246.456.314	37.661.900.266	3.043.136.178	272.647.775	-	55.224.140.533
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	2.139.637.814	5.179.807.056	1.875.958.330	241.911.909	-	9.437.315.109
Tại ngày cuối năm	1.570.758.105	9.825.233.668	1.357.709.035	266.059.985	-	13.019.760.793

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng VND 36.373.064.732
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý VND



11/12/2015

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	855.948.500	-	855.948.500
Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	855.948.500	-	855.948.500
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	654.559.611	-	654.559.611
Số tăng trong năm	-	83.333.333	-	83.333.333
- Khấu hao trong năm	-	83.333.333	-	83.333.333
- Tăng khác	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	737.892.944	-	737.892.944
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	201.388.889	-	201.388.889
Tại ngày cuối năm	-	118.055.556	-	118.055.556

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

- VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

605.948.500 VND

11729-
NG TY
HỆM HỮU H
U TƯ V
H KẾ T
M TOÁ
A NAM
P. HỒ C

11729-
NG TY
HỆM HỮU H
U TƯ V
H KẾ T
M TOÁ
A NAM
P. HỒ C

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
8.1. Ngắn hạn		
- Giá trị còn lại của CCDC chờ phân bổ	626.572.860	1.102.963.489
- CCDC xuất dùng	-	-
- Chi phí đi vay	-	-
- Chi phí khác	-	-
Cộng	626.572.860	1.102.963.489
8.2. Dài hạn		
- Giá trị còn lại của CCDC chờ phân bổ	213.677.500	211.390.000
- Lợi thế kinh doanh	-	-
- Chi phí mua bảo hiểm	-	-
- Chi phí khác	-	-
Cộng	213.677.500	211.390.000



9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty CP Hải Ninh	-		165.000.000	165.000.000
Công ty TNHH Đại Vĩnh An	-		595.795.200	595.795.200
Công ty CP Giao nhận VT Ưu Việt	-		1.323.300.000	1.323.300.000
Công ty CP Thông Tín Á Châu	105.571.400	105.571.400	558.787.460	558.787.460
Công ty TNHH Toàn Đắc Lộc	246.169.000	246.169.000	-	-
Công ty TNHH Nam Hòa	881.850.416	881.850.416	-	-
Công ty TNHH King's Grating	675.419.382	675.419.382	-	-
Các nhà cung cấp khác	1.258.191.981	1.258.191.981	2.236.686.423	2.236.686.423
Cộng	3.167.202.179	3.167.202.179	4.879.569.083	4.879.569.083

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
10.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	170.374.664	550.499.567	720.874.231	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.782.385.939	2.991.711.949	3.285.877.667	2.488.220.221
Thuế thu nhập cá nhân	206.719.815	875.391.466	852.618.419	229.492.862
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.057.291.663	1.850.077.103	207.214.560
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí	299.658.050	-	299.658.050	-
Cộng	3.459.138.468	6.478.894.645	7.013.105.470	2.924.927.643
10.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	27.025.439	27.025.439
Thuế xuất, nhập khẩu	1.459.263.669	1.291.447.019	2.187.479.513	2.355.296.163
Cộng	1.459.263.669	1.291.447.019	2.214.504.952	2.382.321.602

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Chi phí vật tư, vận chuyển, bảo hiểm	-	20.800.000
- Chi phí phải trả khác	-	-
Cộng	-	20.800.000

12 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
12.1. Ngắn hạn		
- KPCĐ	249.652.463	274.792.614
- BHXH, BHYT, BHTN	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	15.966.400	15.966.400
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	-
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	13.640.239.835	6.477.423.710
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	279.057.288	39.896.841
Cộng	14.184.915.986	6.808.079.565
13 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ		
	Số cuối năm	Số đầu năm
13.1. Ngắn hạn	-	-
13.2. Dài hạn	6.873.262.987	5.707.198.286
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	-	-
- Dự phòng bảo hành công trình xây lắp	6.873.262.987	5.707.198.286
- Dự phòng tái cơ cấu	-	-
- Dự phòng phải trả khác	-	-
Cộng	6.873.262.987	5.707.198.286

501172
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
H V VỤ TƯ
HÌNH KẾ
KIỂM T
HÓA NA
- TP. HCM

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	35.999.480.000	-	9.582.174.339	32.400.000	1.751.601.532	47.365.655.871
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	10.331.335.507	10.331.335.507
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	(2.609.693.964)	(2.609.693.964)
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	1.565.816.379	-	(1.565.816.379)	-
+ <i>Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp</i>	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	-	-	-	288.000.000	(288.000.000)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.119.911.600)	(6.119.911.600)
- Giảm khác	-	-	-	(320.400.000)	(350.564.045)	(670.964.045)
Số dư cuối năm trước (Số dư đầu năm nay)	35.999.480.000	-	11.147.990.718	-	1.148.951.051	48.296.421.769
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	10.857.281.494	10.857.281.494
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	8.357.505.017	8.357.505.017
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	(3.221.104.821)	(3.221.104.821)
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	1.628.592.224	-	(1.628.592.224)	-
+ <i>Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp</i>	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.319.807.600)	(13.319.807.600)
- Giảm khác	-	-	(9.306.588.131)	-	(9.306.588.131)	(9.306.588.131)
Số dư cuối năm	35.999.480.000	-	3.469.994.811	-	2.194.232.917	41.663.707.728



11-10-2015 10:00 AM

14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
- Vốn góp của Cty TNHH MTV Cơ khí Sabec	26,00%	9.360.000.000	26,00%	9.360.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	74,00%	26.639.480.000	74,00%	26.639.480.000
Cộng		35.999.480.000		35.999.480.000

14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	35.999.480.000	35.999.480.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	35.999.480.000	35.999.480.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	13.319.807.600	6.119.911.600

14.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.599.948	3.599.948
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.599.948	3.599.948
+ Cổ phiếu phổ thông	3.599.948	3.599.948
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.599.948	3.599.948
+ Cổ phiếu phổ thông	3.599.948	3.599.948
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

14.5. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	37%	17%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

14.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	3.469.994.811	11.147.990.718
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

15.1. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	1.467.929,12	6.547,76
- EUR	2.486,91	25.333,51

15.2. Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Nguyên tệ	VND	Thời điểm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty Promecon (EUR)	40.077,25	969.869.450	02/07/2015	Nợ khó đòi

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
1.1. Doanh thu		
- Doanh thu bán thành phẩm	161.007.846.216	149.968.196.006
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.452.081.385	233.592.273
Cộng	168.459.927.601	150.201.788.279
2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	35.183.330	36.127.842
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	35.183.330	36.127.842
3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	129.477.613.723	119.307.370.069
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.264.021.759	194.204.070.000
Cộng	130.741.635.482	119.501.574.146
4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	101.350.605	222.891.227
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	247.702.765	35.930.109
Cộng	349.053.370	258.821.336
5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
- Lãi tiền vay	88.075.867	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	88.075.867	-
6 . THU NHẬP KHÁC		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	200.000.000	42.327.273
- Phế liệu, CCDC hư hỏng	192.523.183	255.230.000
- Thu nhập cho thuê nhà xưởng	-	239.837.729
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây lắp	3.221.065.566	5.402.915.343
- Các khoản khác	38.034	90.169.775
Cộng	3.613.626.783	6.030.480.120

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý TSCĐ ,CCDC	8.586.667	152.106.666
- Các khoản tiền nộp phạt vi phạm hành chính	18.200.000	817.213.726
- Chi phí cho thuê nhà xưởng	-	72.445.729
- Các khoản khác	-	-
Cộng	26.786.667	1.041.766.121

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
8.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên, vật liệu	-	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí nhân công	-	-
- Chi phí khấu hao	-	-
- Thuế, phí, lệ phí	-	-
- Dự phòng phải trả	4.391.130.267	3.341.451.188
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.018.212.331	2.347.328.727
- Chi phí khác bằng tiền	-	-
Cộng	7.409.342.598	5.688.779.915

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nguyên, vật liệu	-	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	190.477.832	285.907.498
- Chi phí nhân công	13.184.771.261	10.530.106.664
- Chi phí khấu hao	379.876.386	470.497.777
- Thuế, phí, lệ phí	2.061.295.263	396.515.583
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.918.959.025	4.464.106.843
- Chi phí khác bằng tiền	537.210.600	539.481.000
Cộng	20.272.590.367	16.686.615.365

9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79.196.942.995	77.567.593.650
- Chi phí nhân công	51.606.571.231	42.017.141.664
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.480.388.053	3.456.047.888
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.470.046.506	11.446.498.317
- Chi phí bằng tiền khác	7.669.619.662	7.502.553.642
Cộng	158.423.568.447	141.989.835.161

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.991.711.949	3.204.890.839
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Cộng	2.991.711.949	3.204.890.839

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	10.857.281.494	10.331.335.507
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	10.857.281.494	10.331.335.507
Quý khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	3.221.104.822	2.897.693.964
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.599.948	3.599.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	2.121	2.065

Ghi chú:

(*) Hồi tố chỉ tiêu Năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	10.857.281.494	10.331.335.507
Quý khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	3.221.104.822	2.897.693.964
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.599.948	3.599.948
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.121	2.065

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
- Các giao dịch phi tiền tệ khác	-	-

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	14.280.266.578
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	14.280.266.578
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
+ Chi phí tiền lương	3.592.255.201	3.028.730.141
+ Thù lao	432.000.000	288.000.000
Các giao dịch khác	Năm nay	Năm trước
Cho vay/ mượn tiền	-	-
Giao dịch mua bán	-	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu	-	-
Phải trả	-	-

1.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
- Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	3.463.200.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
- Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO	Nợ phải trả	3.463.200.000
	Nợ phải thu	-

2 . Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào nhóm sản xuất thiết bị cơ khí, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại một số khu vực địa lý, nhưng không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động

4 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán. Số liệu này được phân loại lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để so sánh.

Thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính, Công ty thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu đầu năm của Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và số liệu của Báo cáo Kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 như sau:

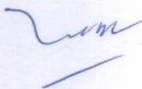
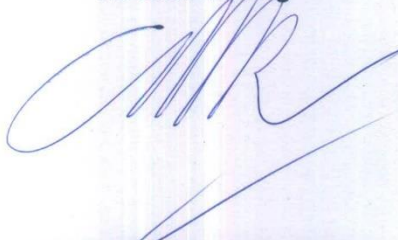
Chỉ tiêu	Mã số TT200/ QĐ 15	Theo TT 200/2014/TT- BTC	Theo QĐ 15/2006/QĐ- BTC	Chênh lệch
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
TÀI SẢN				
1 Phải thu ngắn hạn khác	136/138	613.508.897	299.563.517	313.945.380
2 Tài sản ngắn hạn khác	155/158		313.945.380	(313.945.380)
NGUỒN VỐN				
1 Quỹ đầu tư phát triển	418 / 417	11.147.990.718	8.357.505.017	2.790.485.701
2 Quỹ dự phòng tài chính	không có / 418		2.790.485.701	(2.790.485.701)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71 / 70	2.065	2.870	(805)

Lập, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

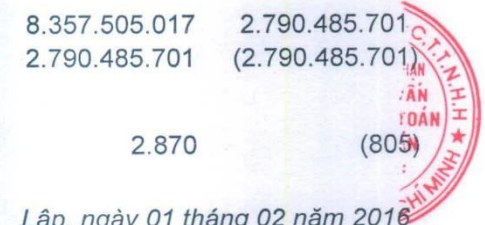
Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ QUÝ

NGUYỄN THỊ LONG CHÂU

NGUYỄN THÀNH TRUNG





TP.HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2016

CTCP XÂY LẬP VÀ CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Hải